

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-04-2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Nguyễn D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 11, Ấp Vĩnh Phước, xã L, huyện G, tỉnh A (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 9, Làng C, xã T, huyện Văn Yên, Yên Bái (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đoàn Thị Nguyễn D trình bày: Tôi và anh Q kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký vào ngày 29/9/2014 tại UBND xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống với nhau không có tình yêu, không hợp nhau và chồng tôi không có trách nhiệm với vợ con. Mâu thuẫn

xảy ra vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau gần 03 năm nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Q.

* Về con chung: Có 01 cháu Triệu Hồng H, sinh ngày 17/6/2015. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn anh Triệu Văn Q trình bày: Tôi và chị D kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 29/9/2014 tại UBND xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp nên sống với nhau không được. Vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Có 01 cháu: Triệu Hồng H, sinh ngày 17/6/2015. Khi ly hôn chị D nhận nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh Q. Căn cứ điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Nguyễn D và anh Triệu Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 29 tháng 9 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên

nhân mâu thuẫn chị D cho rằng vợ chồng sống với nhau không có tình yêu, không hợp nhau và chồng tôi không có trách nhiệm với vợ con. Còn anh Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra là do do tính tình vợ chồng không phù hợp nên sống với nhau không được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau anh chị không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xin ly hôn. Anh Q đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định chị D và anh Q mâu thuẫn có xảy ra và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị D được ly hôn anh Q là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Triệu Hồng H, sinh ngày 17/6/2015. Quá trình giải quyết vụ án chị D nhận nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đồng ý. Do vậy cần giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận không có.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Nguyễn D được ly hôn anh Triệu Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Triệu Hồng H, sinh ngày 17/6/2015 cho chị Đoàn Thị Nguyễn D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04743 ngày 14/3/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng